

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã số:	7510605
Loại hình đào tạo:	Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp, tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, định hướng phát triển nghề nghiệp cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học và giao tiếp hiệu quả trong các công việc chuyên môn về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng và các hoạt động nghề nghiệp khác

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức vận hành cũng như phân tích, đề xuất cải tiến các hoạt động về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng khả năng:

PLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2: Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO3: Vận dụng các kiến thức cơ bản về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng trong lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động Logistics & quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp, tổ chức.

PLO4: Tổng hợp số liệu về quy trình, nghiệp vụ liên quan đến Logistics & quản lý chuỗi cung ứng để đánh giá và cải thiện các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả

PLO5: Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng

Định hướng đào tạo: Logistics & quản lý chuỗi cung ứng (Modul 1)

PLO6.01: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành Logistics & quản lý chuỗi cung ứng để tổ chức, thực hiện cũng như đề xuất cải tiến các hoạt động Logistics & quản lý chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp, tổ chức

Định hướng đào tạo: Hải quan & dịch vụ logistics (Modul 2)

PLO6.02: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành Hải quan và logistics để tổ chức, thực hiện cũng như đề xuất cải tiến các hoạt động Hải quan và logistics trong các doanh nghiệp, tổ chức

PLO7: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động liên quan đến Logistics & quản lý chuỗi cung ứng (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PLO8: Có khả năng làm việc nhóm, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng

PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

PL10: Có khả năng định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

PL11: Tự chủ trong công việc, đưa ra ý kiến chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm với những vấn đề được đưa ra cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

- + Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;
- + Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;
- + Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;
- + Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;
- + Bộ phận giao nhận vận chuyển
- + Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;
- + Chuyên viên hiện trường, hải quan.
- + Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,
- + Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6.01	PLO 6.02	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	x	x	x	x	x							
PO2											x	x
PO3								x	x	x		
PO4			x	x		x	x					

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phần lý thuyết 70 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 19 tín chỉ
 - Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1.1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)					
	1.1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
	1.1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002370	1. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	3. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)					
	1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành		25		
	<i>1.2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		<i>20</i>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	4. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001337	5. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001269	6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001104	7. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	8. Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
	<i>1.2.1.2. Kiến thức tự chọn (tự chọn 7 tín chỉ)</i>		<i>5</i>		
	<i>Tự chọn 1</i>				
001109	9. Tài chính - Tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001717	10. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 2</i>				
002417	11. Kinh tế thương mại	TM	2	(26, 8, 60)	
000566	12. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	1.2.2. Kiến thức chung của ngành		48		
	<i>1.2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		<i>32</i>		
002375	1. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
001475	2. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
001288	3. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001390	4. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
001422	5. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TM	3	(39,12,90)	x
002827	6. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
002373	7. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002061	8. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
001478	9. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh XNK	TM	3	(0,90,90)	x
002376	10. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
002354	11. Quản trị kho	TM	3	(39,12,90)	x
	1.2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6 trong các học phần)		16		
	<i>Tự chọn 1</i>				
002420	1. Thực hành quản lý quan hệ khách hàng	TM	2	(0,60,60)	
002695	2. Thực hành quản trị kho	TM	2	(0,60,60)	x
	<i>Tự chọn 2</i>				
002696	1. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(0,60, 60)	x
002377	2. Vận tải đa phương thức	TM	2	(26,8,60)	
	<i>Tự chọn 3</i>				
000458	1. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39,12,90)	
002366	2. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 4</i>				
002697	1. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	
001333	2. Marketing thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 5</i>				
002367	1. Thực hành phân tích kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	
001341	2. Thực hành Thương mại điện tử	TM	3	(0,90,90)	x
	<i>Tự chọn 6</i>				
002365	1. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	X`
001606	2. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
	1.2.3. Kiến thức chuyên ngành		25		
	<i>Modul 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng</i>				
002369	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,60,60)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002357	2. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	X
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	X
001602	4. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	X
002371	Thực tập cuối khóa ngành logistic	TM	5	(0,300,0)	X
002372	Khóa luận tốt nghiệp ngành Logistic	TM	9	(0,540,0)	
002063	6. Kỹ thuật soạn thảo HĐ ngoại thương	TM	3	(39,12,90)	X
001289	7. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	X
002060	8. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	X
Modul 2: Hải quan và dịch vụ Logistics					
002698	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002700	3. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	X
002701	4. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
002371	Thực tập cuối khóa ngành logistic	TM	5	(0,300,0)	X
002372	Khóa luận tốt nghiệp ngành Logistic	TM	9	(0/540/0)	
002694	6. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	X
002703	7. Khoa học hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002704	8. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	X

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:
 - + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
 - + Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
 - + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
 - + Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - + Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;
- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.
- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.
- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:
 - Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
 - Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:

- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long